

Số: 37.64./QĐ-ĐHDT

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành khung chương trình**  
**Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

Căn cứ Quyết định số 666/TTg ngày 11/11/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi loại hình của Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Quyết định số 7655/QĐ-UBND ngày 14/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc công nhận Quyền Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, đến mọi tổ chức và các cá nhân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BDGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ trưởng Bộ thông tin truyền thông về việc quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Theo đề nghị của Trung tâm Tin học,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Ban hành khung chương trình chuẩn Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin & Kỹ thuật viên Tin học của Trung tâm Tin học Duy Tân (có khung chương và đề cương chi tiết trình kèm theo).

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; khung chương trình này áp dụng đào tạo cho các khóa chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin được tuyển sinh sau 06/2016.

**Điều 3:** Phòng Đào tạo & Sau đại học, Trung tâm Tin học Duy Tân, Phòng Kế hoạch – Tài chính chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS Lê Đức Toàn**



**KHUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**Chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ Thông Tin Cơ bản**  
(Ban hành theo Quyết định số 3762/QĐ-ĐHDT ngày 01/11/2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân).

**Tên chương trình:** Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản.

**Trình độ đào tạo:** Chuẩn CNTT cơ bản theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Loại hình đào tạo:** chứng chỉ Tin học.

TT	Mã môn	Tên môn	Tóm tắt nội dung	Số tiết
1	IU01	Hiểu biết về CNTT cơ bản	<b>Phần cứng:</b> Chức năng và thông số các thiết bị máy vi tính. <b>Phần mềm:</b> Chức năng và phân loại phần mềm ứng dụng. <b>Mạng máy tính:</b> Phân loại mạng và các dịch vụ mạng máy tính. <b>An toàn người dùng:</b> Phương pháp bảo vệ pc và người dùng. <b>An toàn dữ liệu:</b> Luật bản quyền và phương pháp bảo vệ dữ liệu. <b>An toàn máy tính:</b> Thao tác sử dụng máy tính đúng cách. <b>Phần mềm ứng dụng:</b> Chống Virus, an ninh mạng, tiếng Việt.	01
2	IU02	Sử dụng Máy tính cơ bản	<b>Hệ điều hành:</b> vai trò và sử dụng hệ điều hành máy tính. <b>MS Windows:</b> quản lý: giao diện, dữ liệu, cấu hình, in ấn.	03
3	IU03	Xử lý văn bản cơ bản	<b>Khái niệm chung:</b> Khái niệm về phần mềm soạn thảo văn bản. <b>MS WINWORD:</b> Giao diện, lưu trữ, các mẫu văn bản (font, indent, paragraph, bullet & number, dropcap, column, table, picture/shape, equation), in ấn.	12
4	IU04	Sử dụng bảng tính cơ bản	<b>Kiến thức chung:</b> Khái niệm về phần mềm và tính toán. <b>MS EXCEL:</b> Kiểu dữ liệu, lưu trữ, các hàm tính toán (text, number, logic, date/time, criteria, lookup), trích lọc, thống kê, in ấn.	16
5	IU05	Sử dụng trình chiếu cơ bản	<b>Khái niệm chung:</b> Khái niệm về phần mềm soạn thảo thuyết trình. <b>MS POWERPOINT:</b> Quản lý slide (normal view), kiểu giao diện (design), tạo hiệu ứng lật trang (transition), hiệu ứng đối tượng (animation), tạo siêu liên kết (hyperlink) và cài đặt trình chiếu (show setup), lập kế hoạch trình chiếu; hình thức trình chiếu; trang chủ; xử lý đối tượng đồ họa; đồ thị; đa phương tiện;	04
6	IU06	Sử dụng Lan/Internet cơ bản	<b>LAN:</b> phân loại mạng, thiết bị, giao thức TCP/IP, địa chỉ IP, chuẩn Ethernet (Lan). Cài đặt và sử dụng Lan: cài địa chỉ IP, share folder, truy cập từ xa. <b>INTERNET:</b> hiểu thuật ngữ và khái niệm về dịch vụ, nhà cung cấp, trình duyệt và bảo mật trên internet. Web Browser: sử dụng và thiết lập trình duyệt web. Ứng dụng web: email, công cụ search, mạng xã hội, trực tuyến. Lan: sử dụng email, công cụ search, mạng xã hội, trực tuyến.	08



7	A1	Ôn tốt nghiệp	<b>Kiến thức chung:</b> Trắc nghiệm kiến thức cơ bản. <b>Thực hành ứng dụng:</b> MS Winword và MS Excel.	01
8	A2	Thi tốt nghiệp	<b>Kiến thức cơ bản:</b> Trắc nghiệm	01
9	A3	Thi tốt nghiệp	<b>Thực hành ứng dụng:</b> MS Winword + MS Excel + MS PowerPoint	02
<i>Tổng số tiết</i>				<b>48</b>

*gk*





### KHUNG CHƯƠNG TRÌNH

**Chuẩn Kỹ năng sử dụng Công Nghệ Thông Tin Nâng cao**  
(Ban hành theo Quyết định số 37.64/QĐ-ĐHDT ngày 01/11/2017  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân).

**Tên chương trình:** Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

**Trình độ đào tạo:** Chuẩn CNTT nâng cao theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Loại hình đào tạo:** chứng chỉ Tin học.

TT	Mã môn	Tên môn	Tóm tắt nội dung	Số tiết
1	IU07	Xử lý văn bản nâng cao	<b>Ôn tập:</b> Giao diện, lưu trữ, các mẫu văn bản (font, indent, paragraph, bullet & number, dropcap, column, table, picture/shape, equation), in ấn. <b>MS WINWORD NÂNG CAO:</b> thiết lập môi trường; cài đặt autotext; áp dụng template; xử lý: picture/shape, column, table nâng cao; tạo tiêu đề trang (header/footer); tạo mục lục tự động (table of content); trộn văn bản (mailing); soạn thảo tương tác (Track Changes).	12
2	IU08	Sử dụng bảng tính nâng cao	<b>Ôn tập:</b> Kiểu dữ liệu, lưu trữ, các hàm tính toán (text, number, logic, date/time, criteria, lookup), trích lọc, thống kê và in ấn. <b>MS EXCLE NÂNG CAO:</b> chèn tiêu đề (header); sử dụng mẫu (template); trích lọc có điều kiện (Filter/Advance); hàm DataBase; đồ thị (Chart); tổng hợp và thống kê (Consolidate, PivotTable); kiểm tra dữ liệu (Validation); bảo vệ bảng tính (Protect Sheet/Workbook).	20
3	IU10	Sử dụng Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu	<b>Khái niệm chung:</b> Khái niệm và mục đích của csdl; hiểu tiến trình xây dựng csdl; hiểu khái niệm mô hình quan hệ; khái niệm câu lệnh sql; biết một số phần mềm hệ csdl; <b>MS ACCESS:</b> thiết kế cấu trúc table, tạo quan hệ bảng (relationship), thiết kế truy vấn để trích lọc, tính toán, thống kê (select query), cập nhật table (update, delete query); thiết kế cửa sổ nhập liệu (form), tạo các bảng báo cáo (report), tự động hóa chức năng (marco).	16
4	B1	Ôn tốt nghiệp	<b>Kiến thức chung:</b> Trắc nghiệm kiến thức về CNTT. <b>Thực hành ứng dụng:</b> MS Winword và OMS Excel và MS Access.	08
5	B2	Thi tốt nghiệp	<b>Kiến thức cơ bản:</b> Trắc nghiệm	01
6	B3	Thi tốt nghiệp	<b>Thực hành ứng dụng:</b> MS Winword + MS Excel + MS Access	03
<i>Tổng số tiết</i>				<b>60</b>